

Số: **238/CTV-CTF/2019**

V/v: Giải trình số liệu kết quả hoạt động kinh doanh Quý 2/2019 so với Q2 năm 2018

TP. HCM, Ngày 20 Tháng 07 năm 2019

**Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**  
**- Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. HCM**

**Tổ chức niêm yết: CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO**

**Địa chỉ:** 218 Quốc Lộ 13, P.Hiệp Bình Chánh, Q.Thủ Đức, Tp.Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028.37 26 26 26

Fax: 028.37 26 26 26

Website: [www.cityford.com.vn](http://www.cityford.com.vn)

Mã chứng khoán: **CTF**

- Căn cứ vào TT 155/2015/TT-BTC ngày 06.10.2015 hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, áp dụng tại mục 4, mục 5 Điều 11:
  4. Khi công bố thông tin các báo cáo tài chính nêu tại khoản 1, 2, 3 Điều này, tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:
    - a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;
    - b) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ; hoặc chuyển từ lãi ở kỳ trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;
    - c) Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh lũy kế từ đầu năm tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo tài chính 2018 đã công bố so với báo cáo tài chính 2017 đã kiểm toán; có sự chênh lệch từ 5% trở lên; hoặc chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại;
    - d) Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên.
  5. Trường hợp tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn có công ty con, công ty liên kết hoặc có các đơn vị kế toán trực thuộc thì phải giải trình nguyên nhân phát sinh các sự kiện quy định tại khoản 4 Điều này trên cả cơ sở báo cáo tài chính của bản thân công ty đó và báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính tổng hợp.
- Căn cứ vào báo cáo tài chính Q2/2019 và báo cáo Quý 2 năm 2018 City Auto và hợp nhất

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CTF QUÝ 2 - NĂM 2019 SO VỚI QUÝ 2 NĂM 2018**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2019	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.01	649,726,477,373	351,607,324,958	1,401,112,885,692	824,829,627,726
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		4,698,181,818	-	5,261,217,818	2,272,727,273
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		645,028,295,555	351,607,324,958	1,395,851,667,874	822,556,900,453
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	601,776,160,510	326,469,218,838	1,298,035,849,724	767,493,305,074
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		43,252,135,045	25,138,106,120	97,815,818,150	55,063,595,379
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	12,437,693,694	4,201,854	12,447,130,406	8,503,501
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	6,190,184,750	3,146,821,736	12,634,869,860	7,145,910,631
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6,190,184,750	3,146,821,736	12,634,869,860	7,145,910,631
8. Chi phí bán hàng	25	VI.05	22,181,288,089	17,577,056,102	47,900,427,013	36,748,380,138
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	8,816,370,431	7,101,425,607	16,680,704,645	15,090,768,815
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		18,501,985,469	(2,682,995,471)	33,046,947,038	(3,912,960,704)
11. Thu nhập khác	31	VI.07	6,018,160,938	6,216,992,769	12,326,182,410	11,458,864,539
12. Chi phí khác	32	VI.08	226,005,396	281,823,178	1,225,904,817	1,145,626,214
13. Lợi nhuận khác	40		5,792,155,542	5,935,169,591	11,100,277,593	10,313,238,325
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		24,294,141,011	3,252,174,120	44,147,224,631	6,400,277,621
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	1,761,080,630	299,155,523	3,008,479,354	299,155,523
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		22,533,060,381	2,953,018,597	41,138,745,277	6,101,122,098

**Căn cứ vào số liệu bảng trên Công Ty Cổ Phần CiTy Auto xin được giải trình các điểm thay trọng yếu như sau:**

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 293,420,970,597 VND tương đương 183% nguyên nhân sau

+ Điều chỉnh cách ghi nhận các khoản hỗ trợ từ Ford VN -> xuất hóa đơn cho Ford VN.

+ Q2/2019 lượng xe bán ra tăng từ việc lượng xe nhập khẩu tăng mạnh bao gồm xe Ranger, Explorer, Everest

+ Giá vốn bán hàng tăng tương ứng 275,306,941,672VND tỷ lệ tăng 184%

+ Chi phí lãi vay tăng 3,043,363,014VND tỷ lệ tăng 197% do lượng xe mua về với giá trị lớn để đáp ứng nguồn cung vì vậy nhu cầu vốn tăng từ các khoản vay, lãi suất tại các ngân hàng tăng từ 6% lên 8% -> lãi vay tăng

+ Chi phí bán hàng và chi phí quản lý tăng 25% nguyên nhân tăng do doanh thu tăng, lại gộp tăng -> lương, các khoản thưởng doanh số tăng, các chi phí biến đổi tăng theo tỷ lệ tăng doanh thu và lãi gộp

+ Doanh thu tài chính tăng : 12,433,491,840VND nguyên nhân tăng do các Công ty con chia lợi nhuận 2018 theo tỷ lệ CTF chiếm giữ, đồng thời thu nhập hơn 2 tỷ từ khoản cho vay tài chính khác

+ Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh tăng 19,580,041,784VND do :

- Thu nhập từ việc chia cổ tức
- Doanh thu tăng dẫn đến lãi gộp tăng

### BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT QUÝ 2 - NĂM 2019

#### SO VỚI QUÝ 2 NĂM 2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2019	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.01	1,498,537,318,036	613,862,775,718	2,945,163,868,933	1,370,344,743,702
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		6,754,545,455	17,342,999,667	10,250,308,728	22,492,999,668
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1,491,782,772,581	596,519,776,051	2,934,913,560,205	1,347,851,744,034
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	1,402,344,847,777	555,304,371,963	2,744,567,370,049	1,261,050,941,975
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		89,437,924,804	41,215,404,088	190,346,190,156	86,800,802,059
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	174,831,112	6,485,378	256,044,414	13,240,550
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	10,832,754,205	4,743,052,874	20,726,146,452	10,951,332,461
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		10,832,754,205	4,743,052,874	20,726,146,452	10,951,332,461
8. Chi phí bán hàng	25	VI.05	48,357,390,141	28,548,183,746	96,545,968,685	55,764,677,072
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	23,021,646,139	15,453,370,797	43,863,502,818	30,368,340,351
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7,400,965,431	(7,522,717,951)	29,466,616,615	(10,270,307,275)
11. Thu nhập khác	31	VI.07	17,471,346,317	12,969,917,652	30,231,686,724	19,018,510,917
12. Chi phí khác	32	VI.08	1,092,934,771	22,526,420	1,995,976,721	270,958,176
13. Lợi nhuận khác	40		16,378,411,546	12,947,391,232	28,235,710,003	18,747,552,741
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		23,779,376,977	5,424,673,281	57,702,326,618	8,477,245,466
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	4,458,826,142	484,311,483	9,026,637,396	648,557,243
16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		19,320,550,835	4,940,361,798	48,675,689,222	7,828,688,223

Căn cứ vào số liệu bảng trên Công Ty Cổ Phần CiTy Auto xin được giải trình các điểm thay trọng yếu trên báo cáo hợp nhất như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 895,262,996,530 VND tương đương 250% nguyên nhân do :

- Hợp nhất Doanh thu Huynhdai Trường Chinh : 437,275,308,747 VND
- NTF, CTF, PMF bán tăng số lượng các loại xe nhập khẩu giá trị lớn dẫn đến tổng tăng thêm 430.000.000.000VND

+ Giá vốn, Chi phí bán hàng, Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng tương ứng

+ Lợi nhuận trước thuế tăng 18,354,703,696VND chủ yếu tăng

- Huynhdai Trường Chinh : 12.508.000.000VND
- Các Công ty khác thuộc CTF và CTF tăng 6 tỷ

đây là giải trình các khoản thay đổi trọng yếu giữa số liệu báo cáo kết quả kinh doanh Quý 2 năm 2019 so với Quý 2 năm 2018 báo cáo City Auto và hợp nhất

Trân trọng cảm ơn và kính chào!

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Tổng Giám Đốc  
TRẦN TRUNG CHÁNH